TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỐT NỐT** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/DS-ST
Ngày: 11-5-2023
"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, TP. CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Kim Hưng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Kim Tuyến.**

2. Ông **Nguyễn Hữu Đức**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hằng** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ *tham gia phiên toà:* Bà **Trần Thị Kiều Oanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1176/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Hồ Thị X**, sinh năm 1941.

Địa chỉ: Khu vực TB, phường T, quận N, thành phố C.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Lê Thị Cẩm A**, sinh năm 1968; Địa chỉ: Khu vực TB, phường T, quận N, thành phố C. (Văn bản ủy quyền ngày 12/9/2022). (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Đoàn Thị T**, sinh năm 1957

Địa chỉ: Khu vực TB, phường T, quận N, thành phố C.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1972; Địa chỉ: Khu vực Q2, phường K, quận N, thành phố C. (Văn bản ủy quyền ngày 09/12/2022). (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Nguyễn Hồng L**, sinh năm 1977 (Xin vắng mặt)

2. Ông **Nguyễn Nhựt S**, sinh năm 1979 (Xin vắng mặt)

3. Ông **Nguyễn Thanh G**, sinh năm 1982 (Xin vắng mặt)

4. Ông **Nguyễn Thành Đ,** sinh năm 1984 (Xin vắng mặt)

5. Ông **Trần Công T**, sinh năm 1952 (Xin vắng mặt)

6. Ông **Hồ Minh K**, sinh năm 1965 (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu vực TB, phường T, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 13/9/2022 của nguyên đơn bà Hồ Thị X và quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bà Lê Thị Cẩm A là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà Hồ Thị X được cấp quyền sử dụng đất diện tích 784m^2 (300m^2 đất ODT + 484m^2 đất CLN), tại thửa đất 627, tờ bản đồ số 03 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000419 do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 06/5/1996, đất tọa lạc ấp Thới Bình, xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ (Nay là khu vực Khu vực TB, phường T, quận N, thành phố C.). Nguồn gốc thửa đất 627 là của cha mẹ bà X để lại và bà Xem đã ở trên đất khoảng sau năm 1975, đến năm 1996 khi được nhà nước cấp giấy đất thì phần đất có làm ranh mốc (trụ đá) để sử dụng nhưng nay khi nhà nước tiến hành thủ tục cấp giấy mới trên toàn địa bàn, lúc này nguyên đơn mới phát hiện trụ đá ranh không còn và giữa nguyên đơn, bị đơn không thống nhất ranh nên phát sinh tranh chấp. Vì giáp cạnh phía sau thửa đất 627 của nguyên đơn là thửa đất 626 của gia đình bị đơn bà Đoàn Thị T, trong quá trình sử dụng gia đình bà T đã làm hàng rào lấn chiếm qua thửa đất 627 nhưng việc gia đình bà T xây hàng rào vào năm 2018 phía nguyên đơn không biết do gia đình nguyên đơn phải đi làm xa, đến khi nhà nước tiến hành đo đạc cấp giấy mới vào năm 2019, 2020 thì hỏi thăm mới biết, tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn trình bày gia đình nguyên đơn luôn sinh sống trên đất dù đi làm xa.

Tại đơn khởi kiện phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả diện tích đất lấn chiếm khoảng 126m^2 loại đất CLN nhưng qua kết quả đo đạc thẩm định nguyên đơn thống nhất và xác định yêu cầu buộc gia đình bị đơn bà T có trách nhiệm giao trả cho nguyên đơn bà X tổng diện tích đất lấn chiếm là 32,9m^2, loại đất CLN theo Bản trích đo địa chính số 105/TTKTTNMT ngày 17/02/2023 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ, riêng diện tích 7,2m^2 tại vị trí A nguyên đơn sẽ nhận giá trị theo giá thị trường là 1.800.000 đồng/m^2 do bị đơn đã làm hàng rào nên tạo điều kiện cho bị đơn sử dụng. Ngoài ra, theo bị đơn trình bày ông Trần Công T đã trả lại diện tích đất tranh chấp cho bị đơn nhưng nay ông T cho rằng vẫn còn sử dụng phần diện tích đất tranh chấp nên phía nguyên đơn yêu cầu ông T cùng có trách nhiệm trả lại diện tích đất tranh chấp cho bà X.

* *Bị đơn bà Đoàn Thị T và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất trình bày:*

Hiện gia đình bà Đoàn Thị T đang quản lý, sử dụng phần diện tích đất tại thửa 626 (giáp thửa 627) và diện tích đất được cấp là 666m^2 (CLN), tờ bản đồ số 3, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000538 do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 17/02/1997 cho hộ ông Nguyễn Hồng N (chồng bà T – ông N chết năm 2018). Đối với giấy đất gia đình bị đơn được cấp thì gia đình bị đơn không có khiếu nại gì và về hình thể thửa đất phía bị đơn thống nhất nhưng về diện tích thì có thể trước đây đo đạc không chính xác. Nay phía bị đơn xác định đã sử dụng đúng ranh đất của thửa 626, không có lấn chiếm đất của nguyên đơn, căn cứ từ việc thửa đất 626 của bị đơn không chỉ giáp ranh với thửa đất 627 mà còn giáp với thửa đất 628 của ông Hồ Minh K (con ruột bà Hồ Thị A - Bà A là chị ruột bà X) thì thửa đất 627, 628 có cùng nguồn gốc là của ông bà để lại và cạnh đất của hai thửa này là một đường thẳng, vì vậy cạnh đất của bà X phải ngang bằng với cạnh của ông K chứ không thể dài hơn cạnh của ông K nhưng về căn cứ này thì bị đơn không có yêu cầu đo đạc đối với phần đất của ông K.

Ngoài ra, vào khoảng năm 2004, 2005, gia đình bà T có thỏa thuận với ông Trần Công T về việc cho ông T mượn tạm phần diện tích (tại vị trí B của bản trích đo số 105) để làm lối đi từ đất ông T ra lộ giao thông để ông thuận tiện trong việc nuôi cá, đến năm 2021 do không còn nuôi cá nên ông T trả lại phần diện tích đất cho bà T; Việc thỏa thuận mượn đất này theo suy đoán của bị đơn thì bà X biết dù ông T, bà T không thông báo cho gia đình bà X nhưng bà X ở gần đó nên biết. Đồng thời, vào năm 2018, gia đình bà T cất nhà ở ổn định, có làm hàng rào cách ranh đất thửa 627 là 2,5m thì phía nguyên đơn không phản đối gì. Do vậy, qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý. Ngoài ra, tại phiên tòa phía bị đơn trình bày diện tích đất thửa 626 tăng do có phần diện tích đất bị đơn sử dụng chưa được ghi nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa 626, nhưng bị đơn không có gì chứng minh, cũng như xác định không có khiếu nại gì đối với giấy đất bị đơn được cấp. Đồng thời, tại phiên tòa bị đơn xác định lại rằng căn cứ để bị đơn xác định sử dụng đúng ranh mốc thửa 626 là dựa vào ranh của thửa 627, 628. Đối với việc trước đây gia đình bị đơn nhận chuyển nhượng một phần diện tích đất tại thửa 628 thì tại phiên tòa bị đơn không nắm thông tin này.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- *Ông Nguyễn Hồng Linh, ông Nguyễn Nhựt S, ông Nguyễn Thanh G, ông Nguyễn Thành Đ thống nhất*: Các ông là con ruột của bà Đoàn Thị T và ông Nguyễn Hồng N; Các ông thống nhất lời trình bày của bà T.

- *Ông Trần Công T*: Năm 2000, ông có hỏi vợ chồng bà T cho đi nhờ trên phần đất tranh chấp có chiều ngang 03m để có lối đi thuận tiện trong việc nuôi cá. Ông cho rằng lối đi mà ông đi nhờ là nằm hoàn toàn trên thửa 626 vì các thửa đất giáp ranh (thửa của bà X, ông K, ông H) với thửa đất 626 đã có trụ đá ranh và các ranh đất là một đường thẳng. Ngoài ra, ông chỉ hỏi mượn đất đi nhờ từ vợ chồng bà T mà không có hỏi ý kiến của bà X nhưng bà X cũng không có phản đối gì. Ông yêu cầu được vắng mặt khi tòa án triệu tập tham gia tố tụng.

- *Ông Hồ Minh K*: Ông là con bà Hồ Thị A (chị ruột bà X – bà A đã chết). Hiện ông là người quản lý, sử dụng thửa 628 (giáp ranh thửa 627 và 626). Nguồn gốc thửa đất 627, 628 là của ông bà để lại, việc chia diện tích đất cụ thể của hai thửa bao nhiêu thì ông không biết nhưng tại thửa 628 ông có chừa diện tích thụt vào chiều dài khoảng 02m để làm lối đi chung. Ông yêu cầu được vắng mặt khi tòa án triệu tập tham gia tố tụng.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, theo yêu cầu của đương sự Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp theo quy định. Hội đồng thẩm định xác định phần đất tranh chấp có diện tích 32,9m^2 và trên đất có tài sản của bị đơn bà T gồm: Hàng rào dài 4,1m có kết cấu trụ bê tông cốt thép, hàng rào gạch xây + thép hộp; Hàng rào trụ đá + lưới B40 dài 1,3m; Mái che tạm có kết cấu mái tole, khung thép hộp, nền xi măng, diện tích 7,2m x 1,8m = 12,96m^2.

Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên nhưng các đương sự vẫn không thỏa thuận được cách thức giải quyết nên vụ án đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng L, ông Nguyễn Nhựt S, ông Nguyễn Thanh G, ông Nguyễn Thành Đ, ông Trần Công T, ông Hồ Minh K vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt những người này.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Xét nguyên đơn bà Hồ Thị X khởi kiện yêu cầu gia đình bị đơn bà Đoàn Thị T và ông Trần Công T giao trả cho nguyên đơn phần đất lấn chiếm qua đo đạc có diện tích 32,9m^2 nhưng các đương sự không đồng ý. Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp quyền sử dụng đất" yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt theo quy định tại khoản 9 Điều 26, các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Bà Hồ Thị X được cấp quyền sử dụng đất diện tích 784m^2, loại đất T + CLN, thửa đất 627, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000419 do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 06/05/1996; Hộ ông Nguyễn Hồng N được cấp quyền sử dụng đất thửa đất số 626, diện tích 666m^2, loại đất

CLN, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000538 do Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp ngày 17/02/1997. Các thửa đất đều thuộc tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại khu vực Khu vực TB, phường T, quận N, thành phố C.

[3.2] Qua kết quả đo đạc thực tế thể hiện tại Bản trích đo địa chính số 105/TTKTTNMT ngày 17/02/2023 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cho thấy thửa đất 627 phía nguyên đơn sử dụng diện tích 605,7m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thiếu 178,3m^2; còn diện tích thực tế sử dụng thửa đất 626 của bị đơn là 782,4m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là dư 116,4m^2. Tuy nhiên, phía bị đơn cho rằng không có lấn chiếm đất của nguyên đơn, việc ranh đất phía bị đơn xác định để sử dụng thửa 626 dựa trên ranh đất của ông Hồ Minh K (thửa 628) và thửa đất 627 (đang tranh chấp) là một đường thẳng. Thấy rằng, theo hồ sơ trích lục giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000538 cấp ngày 17/02/1997 cho ông Nguyễn Hồng N thì tại Biên bản thẩm tra xác minh ngày 09/7/1996 (Bút lục 18) có nội dung: Hai thửa đất 627, 628 của bà A và bà X do thừa hưởng của cha mẹ để lại. Do trước đây việc phân ranh chưa rõ ràng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay hai đương sự xác định hiện trạng để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời tại văn bản đã xác định các cạnh của thửa 627 lần lượt có cạnh chiều ngang là 10,80m; 10,30m và các cạnh chiều dài là 57,30m; 57m. Ngoài ra, việc phát sinh sự xác định ranh tại thửa 627, 628 trên là do vào thời điểm đó bà Hồ Thị A chuyển nhượng một phần diện tích đất tại thửa 628 cho ông Nguyễn Hồng N vì vậy thửa 628 được tách thành thửa 628 và thửa 1830. Do vậy, có cơ sở xác định rằng ranh mốc giữa hai thửa 628, 627 đã được các chủ sử dụng thống nhất xác định vào thời điểm này và phía bị đơn cũng biết, cũng như hiện nay bị đơn cho rằng ranh mốc sử dụng của thửa 626 căn cứ vào thửa 627, 628; Và chính sự thỏa thuận này, cộng thêm sự thống nhất ranh đất của các đương sự và hộ tứ cận lý giải vì sao các thửa đất 626, 627, 628 có sự chênh chệch về diện tích và vị trí thay đổi.

[3.3] Như vậy, chiếu theo Biên bản thẩm tra xác minh ngày 09/7/1996, thấy rằng hai cạnh chiều ngang của thửa 627 hiện nay nguyên đơn đang sử dụng có chênh lệch tăng, còn hai cạnh chiều dài thì chênh lệch giảm nhưng cạnh chênh lệch tăng giáp với phần đất của ông K và ông Hồ Văn H được các bên thống nhất ranh, không tranh chấp; còn cạnh chênh lệch giảm giáp với thửa 626 và đường giao thông nhưng qua xác minh tại địa phương thì phần đường giao thông 04m phía trước thửa 627 từ thời điểm cấp giấy đất cho đến nay không thay đổi. Vì vậy, cạnh chiều dài của thửa 627 (cạnh giáp thửa 628 của ông K) thiếu 1,53m, còn cạnh chiều dài còn lại của thửa 627 (giáp đất ông Hậu) thiếu 1,76m. Đồng thời, ông K cho rằng tại thửa 628 ông có chừa diện tích thụt vào chiều dài khoảng 02m để làm lối đi chung, tuy nhiên phần diện tích đất này bị đơn đã xác định nằm trong thửa 626 nhưng việc này ông K không ý kiến thì đây là quyền quyết định của chủ sử dụng. Như vậy nếu tính phần diện tích ông K thụt vào so với diện tích các bên thống nhất tại Biên bản thẩm tra xác minh ngày 09/7/1996 là tương đối phù hợp.

[3.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần công nhận phần đất tranh chấp cho nguyên đơn được sử dụng cụ thể: từ ranh mốc tranh chấp tại vị

trí C có cạnh chiều dài giáp phần đất ông H lấy lên phần đất tranh chấp 1,76m để cạnh chiều dài thửa 627 này có chiều dài 57,30m, còn từ ranh mốc tranh chấp tại vị trí C có cạnh chiều dài giáp phần đất ông K lấy lên phần đất tranh chấp 1,53m để cạnh chiều dài thửa 627 này có chiều dài 57m; Như vậy, tổng diện tích đất nguyên đơn được công nhận sử dụng là 17,9m^2 là phù hợp.

[3.5] Đối với việc bị đơn cho rằng sự thỏa thuận cho ông Trần Công T mượn một phần diện tích đất tranh chấp làm lối đi để làm căn cứ xác định quyền sử dụng đất là không có cơ sở như phân tích trên. Ngoài ra, trong vụ án này ông T cũng không có yêu cầu gì.

[4] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đo đạc thẩm định và định giá tài sản với chi phí là 6.500.000 đồng và nguyên đơn bà X đã nộp tạm ứng số tiền này. Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận 54,40% nên nguyên đơn phải chịu chi phí tương ứng với phần không được chấp nhận là 2.964.000 đồng; bị đơn phải chịu chi phí tương ứng với phần nguyên đơn được chấp nhận là 3.536.000 đồng. Vì vậy bị đơn bà T có trách nhiệm hoàn lại cho nguyên đơn bà X số tiền 3.536.000 đồng theo quy định tại Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí tương ứng với phần không được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí tương ứng với phần nguyên đơn được chấp nhận theo quy định pháp luật. Do nguyên đơn, bị đơn thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

[6] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 166, 179, 203 Luật đất đai năm 2013;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** <u>Tuyên án</u>**:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xác định phần đất tranh chấp có diện tích 17,9m^2 (tại vị trí C + vị trí B2), loại đất CLN thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn bà Hồ Thị X; Buộc bị đơn bà Đoàn Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng L, ông Nguyễn Nhựt S, ông Nguyễn Thanh G, ông Nguyễn Thành Đ, ông Trần Công T có trách nhiệm giao trả diện tích đất bà Hồ Thị X được công nhận quyền sử

dụng cho bà Hồ Thị X.Vị trí, kích thước các cạnh của phần đất trên được xác định theo Bản trích đo địa chính số 105/TTKTTNMT ngày 17/02/2023 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ và Bản vẽ do Hội đồng xét xử thống nhất khi nghị án ngày 11/5/2023 (Đính kèm).

Đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh lại hình thể và diện tích đất cho phù hợp với thực tế được sử dụng.

- Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà Hồ Thị X phải chịu số tiền 2.964.000đ (Hai triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng); bị đơn bà Đoàn Thị T phải chịu số tiền 3.536.000đ (Ba triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Công nhận phía nguyên đơn đã tạm ứng số tiền 6.500.000 đồng nên bị đơn bà Đoàn Thị T có trách nhiệm hoàn lại cho nguyên đơn bà Hồ Thị X số tiền 3.536.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Hồ Thị X, bị đơn Đoàn Thị T được miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Hoàng Thị Kim Hưng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Kim Tuyến **Nguyễn Hữu Đức** **Hoàng Thị Kim Hưng**